

H C VI N CHÍNH TR QU C GIA H CHÍ MINH

NG TH NG C HÀ

**PHÁT TRI NH TH NG
TIÊU CHU N QU C GIA VI T NAM
TRONG H I NH P KINH T QU C T**

**TÓM T TLU N ÁN TI N S
CHUYÊN NGÀNH: KINH T PHÁT TRI N**

Mã s : 62 31 01 05

HÀ N I – 2018

Công trình c hoàn thành t i
H c vi n Chính tr qu c gia H Chí Minh

Ng i h ng d n khoa h c: PGS. TS. Nguy n Th Th m

Ph n bi n 1:

Ph n bi n 2:

Ph n bi n 3:

Lu n án s c b o v tr c H i ng ch m lu n án c p H c vi n
h p t i H c vi n Chính tr qu c gia H Chí Minh
Vào h i..... gi ngày..... tháng..... n m 2018

Có th tìm hi u lu n án t i: Th vi n Qu c gia và
Th vi n H c vi n Chính tr qu c gia H Chí Min

M U

1. Tính cấp thiết của tài nghiên cứu

Trong thế giới hiện đại, thị trường kinh tế toàn cầu như hiện nay, tiêu chuẩn có vai trò quan trọng về môi trường và xã hội. Tiêu chuẩn thế giới sẽ đóng vai trò như là thước đo chung khi xác lập các quan hệ giao dịch giữa các quốc gia. Đặc biệt, khi có tranh chấp, tiêu chuẩn chính là cơ sở để thu thập bằng chứng, giải quyết và tài phán. Ngày nay, không ai còn nghi ngờ khi nói rằng tiêu chuẩn có vai trò và tác động to lớn về môi trường xã hội hàng ngày của chúng ta nói riêng và về sự phát triển kinh tế toàn cầu, hiện đại quốc tế nói chung...

Như thế rõ vai trò của tiêu chuẩn và phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hiện đại kinh tế quốc tế, nhưng nhìn qua Việt Nam đã rất chú trọng phát triển hệ thống này và thực hiện tốt. Tuy nhiên, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém như vẫn chưa bao quát hết các lĩnh vực cần xây dựng; một số tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực có thể lên như hiện tại quốc tế cao; một số tiêu chuẩn quốc gia xây dựng theo pháp luật không thể hiện rõ ràng còn khá cao; một số tiêu chuẩn quốc gia cần soát xét thay thế, hủy bỏ hoặc bổ sung để phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại... Tất cả những hạn chế đó khiến hệ thống không thể hiện rõ vai trò quan trọng của tiêu chuẩn nói riêng và tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện đại nói chung.

Đặc biệt, trong bối cảnh hiện đại ngày càng sâu vào nền kinh tế thị trường, khi phân lập các chi phí kinh tế do mà Việt Nam đã tham gia vào các sang giao quốc tế ngày càng sâu, xóa bỏ hàng rào thuế quan về môi trường các dòng thuế trong biên giới quốc gia, thì bài toán phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia như thế nào để đáp ứng tình hình mới càng trở nên bức thiết.

Góp phần vào giải quyết vấn đề này, cần có những nghiên cứu cơ bản về lý luận, tìm hiểu kinh nghiệm thực tiễn và phân tích, đánh giá thực trạng, đề xuất phát hiện ra các nguyên nhân, tìm kiếm giải pháp nhằm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong tương lai. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài: **“Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong hiện đại kinh tế quốc tế”** làm tài liệu tham khảo, chuyên ngành Kinh tế phát triển và có tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của tài liệu

2.1. Mục đích nghiên cứu: đánh giá thực trạng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực thi hành (năm 2007) đến năm 2016 và xu hướng phát triển hệ thống và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam đáp ứng yêu cầu hiện đại kinh tế quốc tế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: (i) Hệ thống hóa và xây dựng cơ sở lý luận và phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; (ii) Nghiên cứu kinh nghiệm các nước về phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hình thức kinh tế thị trường rút ra một số bài học để áp dụng vào phát triển hệ thống này Việt Nam; (iii) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam từ năm 2007 đến năm 2016, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém; (iv) Xây dựng phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

3. Nội dung và phạm vi nghiên cứu của tài luận án

3.1. Nội dung nghiên cứu:

Nội dung nghiên cứu của tài luận án là sự phát triển của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam giai đoạn 2007 - 2016 dưới góc nhìn Kinh tế phát triển, trọng tâm là nghiên cứu về mô hình quy mô và bao quát của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong các hoạt động kinh tế - xã hội; phát triển cấu trúc của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia theo hình thức kinh tế thị trường và giá trị đóng góp của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia vào phát triển kinh tế - xã hội cá nhân.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam gồm hai bộ phận là: (1) Tiêu chuẩn quốc gia, ký hiệu là TCVN; (2) Tiêu chuẩn kỹ thuật, ký hiệu là TCCS. Tài luận án tập trung nghiên cứu về phát triển hệ thống TCVN, không nghiên cứu TCCS trong nội dung của khu vực các doanh nghiệp.

- Tài luận án nghiên cứu sự phát triển của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong bối cảnh hình thức kinh tế thị trường.

- Tài luận án nghiên cứu thực trạng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam giai đoạn 2007 - 2016 và xu hướng phát triển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án căn cứ trên hành động dựa trên cơ sở lý luận và phát triển của phép biện chứng duy vật và của Kinh tế phát triển. Đồng thời, luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong bối cảnh hình thức sâu vào nền kinh tế thị trường.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu chủ yếu sử dụng*

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu là phương pháp hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh...

- *Nguồn tài liệu nghiên cứu*

Nguồn tài liệu tham khảo sử dụng, tổng hợp, phân tích trong luận án chủ yếu là các tài liệu đã công bố trên sách, báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu có liên quan trong và ngoài nước; Danh mục tiêu chuẩn quốc gia của Việt

Nam do T ng c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng phát hành hàng n m t n m 2008 - 2017.

5. óng góp m i c a lu n án

- Lu n án ã xây d ng khái ni m phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia, xác nh n i dung, các ch tiêu ánh giá và các nhân t nh h ng n s phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia trong h i nh p kinh t qu c t ;

- Lu n án ã ánh giá úng th c tr ng phát tri n c a h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam t n m 2007 n n m 2016.

- Lu n án xu t ph ng h ng và gi i pháp ch y u nh m phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam n n m 2025 và t m nhìn n n m 2035.

6. K t c u c a lu n án

Ngoài ph n m u, k t lu n, tài li u tham kh o và ph l c, n i dung c a lu n án g m 4 ch ng và 10 ti t.

Ch ng 1

T NG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN C U LIÊN QUAN N PHÁT TRI N H TH NG TIÊU CHU N QU C GIA

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN C U N C NGOÀI

Liên quan n phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia, ã có nhi u công trình nghiên c u c a các h c gi trên th gi i c công b , có th chia các công trình ó theo các h ng nghiên c u nh sau:

V vai trò c a tiêu chu n hóa và phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia: Các nghiên c u u ch ra t m quan tr ng c a tiêu chu n và phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia nh giúp gi i quy t các v n n n t ng, v n v t ch c k thu t, mà n u không c gi i quy t, s d n n ho t ng th tr ng không hi u qu và k t qu kinh t kém.

V s c n thi t c a hài hòa tiêu chu n trong h i nh p kinh t qu c t : Hài hòa tiêu chu n chính là m t cách th c phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia trong b i c nh h i nh p kinh t qu c t . C th , t ng c ng hài hòa tiêu chu n qu c gia v i tiêu chu n qu c t , tiêu chu n khu v c cho phép s d ng các s n ph m và công ngh v t ra ngoài biên gi i qu c gia. Hài hòa tiêu chu n giúp tránh c nh ng rào c n k thu t không c n thi t trong th ng m i.

V chi n l c phát tri n tiêu chu n c a m t s qu c gia trong khu v c và trên th gi i: Các công trình u ch rõ t m quan tr ng c a chi n l c tiêu chu n hóa trong vi c l p nh h ng dài h n, xác nh ph ng th c t ch c phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia. C th , th hi n s chú tr ng c bi t n nh h ng áp ng nhu c u th tr ng, chú tr ng n s i m i ho t ng tiêu chu n hóa, c bi t là s chuy n i c ch ho t ng t qu n lý t p trung sang c ch m , minh b ch v i s tham gia t nguy n c a các bên liên quan.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

Vai trò của tiêu chuẩn *trong* *phát triển kinh tế xã hội nói chung, th* *ng* *m* *đ* *ng* *nh* *ng* *có* *tính* *nh* *h* *ng*, *a* *m* *i* *h* *o* *t* *ng* *c* *a* *x* *h* *i* *v* *à* *n* *h* *h* *o* *t* *ng* *c* *h* *i* *u* *q* *u* *ch* *u* *n* *c* *ó* *l* *i* *n* *h* *t*. Bên cạnh đó tiêu chuẩn cũng là công cụ hữu ích để dẫn dắt các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh, giúp nâng cao năng suất, chất lượng, tối ưu chi phí, thúc đẩy doanh nghiệp có thể tạo ra lợi nhuận cho mình và vị thế trong nước, mở rộng cánh cửa vào thị trường toàn cầu.

V *h* *à* *i* *h* *ò* *a* *t* *i* *e* *u* *ch* *u* *n* *v* *à* *n* *g* *h* *i* *p* *v* *i* *e* *u* *ch* *u* *n* *h* *ó* *a* *t* *r* *i* *n* *k* *h* *a* *i* *á* *p* *d* *ng* *V* *i* *t* *N* *a* *m*: Các công trình cũng đã chỉ ra việc chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực thành tiêu chuẩn quốc gia cũng coi là hoạt động tự nguyện và chủ động, cũng như nêu bật các trọng tâm các lĩnh vực ưu tiên hài hòa tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong ASEAN tại Việt Nam, hướng dẫn và khuyến khích hài hòa tiêu chuẩn của Việt Nam cũng như xuất các giải pháp thúc đẩy hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

V *th* *c* *t* *i* *n* *h* *th* *ng* *t* *i* *e* *u* *ch* *u* *n* *q* *u* *c* *g* *i* *a* *V* *i* *t* *N* *a* *m* *v* *à* *n* *h* *ng* *x* *u* *t* *nh* *m* *ph* *át* *t* *r* *i* *n* *h* *th* *ng* *t* *i* *e* *u* *ch* *u* *n* *q* *u* *c* *g* *i* *a* *n* *c* *t* *a* *tr* *o* *n* *b* *i* *c* *nh* *h* *i* *nh* *p* *kin* *h* *t* *q* *u* *c* *t*: Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng vẫn còn tồn tại những sự phi hợp lý giữa các Bộ, ngành trong hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và ngược lại, việc thực hiện tiêu chuẩn có sự chênh lệch trong quy định của các Bộ, ngành chuyên gia xây dựng tiêu chuẩn còn thiếu và yếu, việc xã hội hóa hoạt động xây dựng tiêu chuẩn chưa được nghiên cứu một cách bài bản và thích hợp. Qua đó, đã xuất hiện những biện pháp nhằm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam nhằm khuyến khích và khuyến khích xây dựng tiêu chuẩn chất lượng trên xu hướng (TCVN) cũng như việc xây dựng tiêu chuẩn tốt đẹp (TCCS) để có cân bằng lợi ích của nhà sản xuất và các cá nhân nhằm khuyến khích áp dụng nhanh chóng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

1.3. ÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU, VÀ N T RA VÀ H ỨNG NGHIÊN CỨU C A TÀI LU N ÁN

1.3.1. ánh giá chung

Nội dung này, nghiên cứu sinh đã chỉ ra các kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã công bố trên. Đồng thời, chỉ ra “không ngừng” và phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hệ thống kinh tế quốc tế và tiếp cận góc Kinh tế phát triển:

- *V* *m* *t* *l* *ý* *l* *u* *n*:

+ Hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong hệ thống kinh tế quốc tế;

+ Chưa có công trình nào xây dựng khái niệm về phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cũng như biện pháp đánh giá sự tiến bộ và sự phát triển (chỉ số) và nâng cao chất lượng (chỉ số sâu) của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong tiến trình hệ thống kinh tế quốc tế.

- *V m t th c ti n*: Cho n nay, ch a có công trình nghiên c u nào ánh giá th c tr ng và a ra ph ng h ng c ng nh các gi i pháp phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia trong h i nh p kinh t qu c t n n m 2025 và t m nhìn n n m 2035. Chính vì v y, nghiên c u sinh l a ch n tài này nghiên c u làm lu n án ti n s Kinh t .

1.2.2. Nh ng v n lu n án c n t p trung gi i quy t

Trên c s k th a, ti p thu k t qu c a nh ng công trình nghiên c u trên, l p y nh ng “kho ng tr ng” ã ch ra, tài lu n án s t p trung vào nghiên c u các v n sau:

- *V m t lý lu n*: Lu n án xây d ng c s lý lu n v phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia trong h i nh p kinh t qu c t . C th , lu n án s làm rõ: (i) Khái ni m, n i dung và ch tiêu ánh giá phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia; (ii) Các nhân t nh h ng n phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia.

- *V th c ti n*:

(i) Lu n án kh o c u kinh nghi m phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia c a m t s n c (Trung Qu c, Hàn Qu c, Hoa K) t ó rút ra bài h c cho phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam.

(ii) Lu n án phân tích, ánh giá th c tr ng phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam trong h i nh p kinh t qu c t trên c s lý lu n ã xây d ng ch ng 2.

(iii) Lu n án a ra b i c nh h i nh p kinh t qu c t sâu r ng c a Vi t Nam và yêu c u m i t ra i v i vi c phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia.

(iv) Lu n án a ra ph ng h ng, m c tiêu và gi i pháp phát tri n h th ng TCVN n n m 2025 và t m nhìn n n m 2035.

Ch ng 2

C S LÝ LU N VÀ TH C TI N V PHÁT TRI N H TH NG TIÊU CHU N QU C GIA VI T NAM TRONG H I NH P KINH T QU C T

2.1. KHÁI NI M PHÁT TRI N H TH NG TIÊU CHU N QU C GIA VÀ S C N THI T PH I PHÁT TRI N H TH NG TIÊU CHU N QU C GIA VI T NAM TRONG H I NH P KINH T QU C T

2.1.1. Khái ni m phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia

- **Khái ni m tiêu chu n**

Lu n án th ng nh t v i khái ni m nêu trong Lu t Tiêu chu n và Quy chu n k thu t (2006): “Tiêu chu n là quy nh v c tính k thu t và yêu c u qu n lý dùng làm chu n phân lo i, ánh giá s n ph m, hàng hóa, d ch v , quá trình, môi tr ng và các i t ng khác trong ho t ng kinh t - xã h i nh m nâng cao ch t

lĩnh vực và hiệu quả của các lĩnh vực này. Tiêu chuẩn do m t t ch c công bố d i d ng v n b n t nguy n áp d ng”.

- Khái niệm tiêu chuẩn quốc gia

Lu n án t ng h p các nh ngh a v tiêu chuẩn quốc gia nh sau: “Tiêu chuẩn quốc gia là tiêu chuẩn do các C quan tiêu chuẩn quốc gia t ch c xây d ng và ph c p r ng rãi.”

Tiêu chuẩn quốc gia c công b hay c ban hành theo m t th th c nh t nh, c mang ký hi u ã ng ký v i t ch c tiêu chuẩn hóa quốc t và thông báo v i t t c các n c.

- Khái niệm hệ thống tiêu chuẩn quốc gia

Lu n án cho r ng: “H th ng tiêu chuẩn quốc gia là t ng th các tiêu chuẩn quốc gia c xây d ng áp ng các nhu c u c a xã h i, c phân lo i, s p x p theo các ngành, l nh v c c a xã h i, c áp d ng th ng nh t t ng tính chính xác, h p lý”.

- Khái niệm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hình thức kinh tế quốc tế

Trên c s khái niệm phát triển trong tri t h c và khái niệm phát triển trong kinh tế cùng v i khái niệm hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, tác gi lu n án cho r ng: “Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hình thức kinh tế quốc tế là s t ng lên v s l ng (chi u r ng) và nâng cao v ch t l ng (chi u sâu) c a h th ng tiêu chuẩn quốc gia trong hình thức kinh tế quốc tế”

Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hình thức kinh tế quốc tế th hi n công th c “phác h a” nh sau:

Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hình thức kinh tế quốc tế	=	Gia t ng s l ng và m r ng bao quát c a h th ng tiêu chuẩn quốc gia	+	Phát triển c u trúc c a h th ng tiêu chuẩn quốc gia theo h ng h i nh p kinh tế quốc tế	+	Gia t ng s óng góp c a h th ng tiêu chuẩn quốc gia vào phát triển kinh tế xã h i c a t n c
---	---	--	---	--	---	--

2.1.2. Sự cần thiết của phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế

2.1.2.1. Xu t phát t vai trò c a tiêu chuẩn trong th ng m i quốc tế

Lu n án phân tích v vai trò c a tiêu chuẩn trong th ng m i quốc tế : (i) Tiêu chuẩn thúc y th ng m i b ng cách a ra d u hi u v ch t l ng cho ng i tiêu dùng và các i tác th ng m i; (ii) Các tiêu chuẩn quốc tế t o l p m t “ngôn ng chung” cho các i tác th ng m i t m n ng; (iii) Tiêu chuẩn h tr th ng m i quốc tế b ng cách h th p các rào c n th ng m i, gi m chi phí s n xu t và

tốc độ và lợi ích kinh tế quy mô; (iv) Tiêu chuẩn khuyến khích thương mại bằng cách làm giảm chi phí giao dịch.

2.1.2.2. Xu hướng phát triển các rào cản kỹ thuật trong thương mại

Trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày càng gia tăng, hình thức kinh tế quốc tế đã làm xuất hiện các rào cản kỹ thuật trong thương mại. Theo Hiệp định WTO-TBT thì trong thương mại quốc tế, các “rào cản kỹ thuật kỹ thuật” (technical barriers to trade) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng ở mức hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình nhằm ảnh hưởng đến hàng hoá nhập khẩu ở mức các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Vì vậy, việc phát triển hình thức tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam là vô cùng cần thiết.

2.1.2.3. Xu hướng phát triển yêu cầu thực thi các cam kết quốc tế và nghĩa vụ thành viên trong một loạt các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam là thành viên.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hình thức ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thị trường và là một trong những nước tham gia vào nhiều khu vực thương mại tự do trong thời gian gần đây, việc hình thức trong lĩnh vực tiêu chuẩn có lợi ích thiết thực là ưu tiên thiết yếu và có tầm quan trọng trong việc góp phần thu hút lợi ích thương mại của Việt Nam và các nước thành viên của các tổ chức thương mại quốc tế khác.

2.2. NỘI DUNG, CHỈ TIÊU ÁNH GIÁ VÀ NHẬN ĐỊNH HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN HÌNH THỨC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM TRONG HÌNH THỨC KINH TẾ QUỐC TẾ

2.2.1. Nội dung phát triển hình thức tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong hình thức kinh tế quốc tế

2.2.1.1. Mục tiêu quy mô và bao quát của hình thức tiêu chuẩn quốc gia

Lưu ý rằng việc hình thức phát triển hình thức tiêu chuẩn quốc gia, cần chú ý là:

+ Mục tiêu quy mô của hình thức tiêu chuẩn quốc gia: có nghĩa là hình thức tiêu chuẩn quốc gia có tiêu chuẩn quốc gia cho các ngành, lĩnh vực vì sự phát triển của nền kinh tế - xã hội và vì lợi ích của các tiêu chuẩn cho môi trường sống và môi trường kinh tế - xã hội.

+ Mục tiêu bao quát của hình thức tiêu chuẩn quốc gia: tức là gia tăng và hình thức tiêu chuẩn hóa hay sự gia tăng sự liên kết và phân nhóm theo khung phân loại tiêu chuẩn quốc gia. Sự gia tăng này có ý nghĩa minh chứng cho sự thâm nhập sâu sắc tiêu chuẩn vào các khía cạnh thực tế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý xã hội của nền kinh tế.

2.2.1.2. Phát triển cấu trúc của hình thức tiêu chuẩn quốc gia theo hình thức kinh tế quốc tế

Lưu ý rằng việc hình thức phát triển cấu trúc của hình thức tiêu chuẩn quốc gia theo hình thức kinh tế quốc tế thì hình thức phát triển về mặt thực tế của hình thức này và cần chú ý trên các khía cạnh sau:

+ Gia tăng tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

+ Gia t ng t l tiêu chu n qu c gia c xây d ng ti m c n v i ph ng pháp ch p nh n theo quy nh c a qu c t .

+ Gia t ng t l tiêu chu n qu c gia c soát xét thay th và h y b phù h p v i các giai o nh i nh p.

2.2.1.3. Gia t ng óng góp c a h th ng tiêu chu n qu c gia vào phát tri n kinh t - xã h i c a t n c

Lu n án kh ng nh s phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia còn c th hi n s gia t ng óng góp c a h th ng vào s phát tri n kinh t xã h i c a t n c, c th :

+ ph m vi v mô, h th ng tiêu chu n qu c gia góp ph n nâng cao s c c nh tranh c a s n ph m, hàng hoá và d ch v trên th tr ng trong n c và qu c t ; C i thi n môi tr ng kinh doanh; Thúc y ho t ng xu t kh u.

+ ph m vi vi mô, h th ng tiêu chu n qu c gia góp ph n giúp các th c th trong xã h i i u ti t ho t ng c a mình: Nhà n c có th qu n lý ch t l ng s n ph m, hàng hóa; Ng i tiêu dùng c l a ch n s n ph m v i ch t l ng tiêu chu n, giá thành c nh tranh, tiêu chu n c ng s là công c b o v h khi quy n l i c a h b xâm ph m; i v i doanh nghi p, tiêu chu n giúp gi m chi phí s n xu t và nghiên c u, gi m t l s n ph m phi tiêu chu n và m c r i ro, t o thu n l i cho vi c trao i thông tin, c i thi n m i quan h v i nhà cung c p, nâng cao v th c nh tranh, thúc y s h p tác, liên k t trong s n xu t-kinh doanh; m b o v i khách hàng v s phù h p c a s n ph m v i yêu c u ch t l ng ch p nh n v.v...

2.2.2. Các ch tiêu ánh giá s phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam trong h i nh p kinh t qu c t

Trên c s n i dung c a phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia trong h i nh p kinh t qu c t , lu n án ã xây d ng b ch tiêu ánh giá s phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam trong h i nh p kinh t qu c t th hi n qua b ng d i ây.

B ng 2.3: H th ng ch tiêu ánh giá s phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam trong h i nh p kinh t qu c t

TT	Tên ch tiêu	Hình th c th hi n	n v tính
A	<i>Nhóm chỉ tiêu đánh giá sự mở rộng quy mô và độ bao quát của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia</i>		
1	ng thái bi n i s l ng tiêu chu n qu c gia theo các l nh v c qua các n m	S l ng tiêu chu n qu c gia hi n hành c a các l nh v c TCH thay i trong m t giai o n c th (t n m A n n m B).	
2	ng thái bi n i s nhóm và phân nhóm tiêu chu n qu c gia qua các n m	+ S nhóm c a khung phân lo i tiêu chu n thay i trong m t giai o n c th (t n m A n n m B)	

TT	Tên chỉ tiêu	Hình thức thể hiện	Đơn vị tính
		+ Số phân nhóm của khung phân loại tiêu chuẩn thay đổi trong một giai đoạn nhất định (từ năm A đến năm B)	
B	Nhóm chỉ tiêu đánh giá phát triển cơ cấu trúc của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia theo hướng hình kinh tế quốc tế		
3	Tỉ lệ tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hiện hành	$Rh_j = \frac{Sh_j}{S_j} \times 100$	%
4	Tỉ lệ tiêu chuẩn quốc gia xây dựng theo phương pháp chấp nhận (biên dịch, số nội địa) và công bố hàng năm	$R_{kj} = \frac{M_{kj}}{M_j} \times 100$	%
5	Tỉ lệ tiêu chuẩn quốc gia được soát xét thay thế hàng năm	$Rp_j = \frac{Mr_j}{M_j} \times 100$	%
6	Số lượng tiêu chuẩn quốc gia hay b theo giai đoạn	Số lượng tiêu chuẩn quốc gia hay b	TCVN
C	Nhóm chỉ tiêu đánh giá giá trị đóng góp của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia vào phát triển kinh tế - xã hội cá nhân (thông qua nghiên cứu thực tiễn và doanh nghiệp) Lợi ích kinh tế tính theo ba khía cạnh tác động của tiêu chuẩn:		
	Tỉ lệ phần trăm tác động kinh tế cá nhân áp dụng tiêu chuẩn theo thu nhập trước thuế và lợi tức (EBIT)	(tăng tác động/EBIT) x 100	%
	Tỉ lệ phần trăm tác động kinh tế cá nhân áp dụng tiêu chuẩn theo doanh thu bán hàng của sản phẩm dịch vụ	(tăng tác động/doanh thu bán) x 100	%
	Tỉ lệ phần trăm tác động theo tổng doanh thu của doanh nghiệp	(tăng tác động/tổng doanh thu) x 100	%

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong hướng hình kinh tế quốc tế

Có rất nhiều nhân tố tác động đến sự phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong hướng hình kinh tế quốc tế. Luận án đã phân tích một số nhân tố cơ bản có ảnh hưởng mang tính quyết định có thể kể ra như sau: (i) Chỉ số phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; (ii) Chính sách phát triển hệ thống tiêu

chuẩn quốc gia; (iii) Nguồn lực tài chính cho xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; (iv) Nguồn nhân lực cho việc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; (v) Sự phối hợp giữa các bên có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia; (iv) Sự kết nối giữa tiêu chuẩn cơ sở và tiêu chuẩn quốc gia.

2.3. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA CAMBODIA VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của một số nước

Tìm hiểu kinh nghiệm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của Campuchia (là quốc gia có quá trình phát triển hoạt động TCHT đang diễn ra ở Việt Nam), Hàn Quốc, Mỹ (là những quốc gia tác động lớn của Việt Nam hiện nay), Luận án đã tiếp cận đến việc phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia dưới các góc khác nhau như chính sách, chiến lược phát triển, nguồn tài chính, nguồn nhân lực, sự huy động các bên liên quan trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia...

Đúc rút ra kinh nghiệm thực tiễn có thể áp dụng cho Việt Nam.

2.3.2. Bài học rút ra cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc, Hàn Quốc và Mỹ, có thể rút ra 6 bài học cho phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam, đó là: (i) Bài học về chiến lược phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; (ii) Bài học về chính sách phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; (iii) Bài học về nguồn lực tài chính cho xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; (iv) Bài học về phát triển nguồn nhân lực phục vụ việc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; (v) Bài học về sự huy động các bên liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia; (vi) Bài học về sự kết nối giữa tiêu chuẩn cơ sở và tiêu chuẩn quốc gia.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM TRONG HÌNH THỨC KINH TẾ QUỐC TẾ

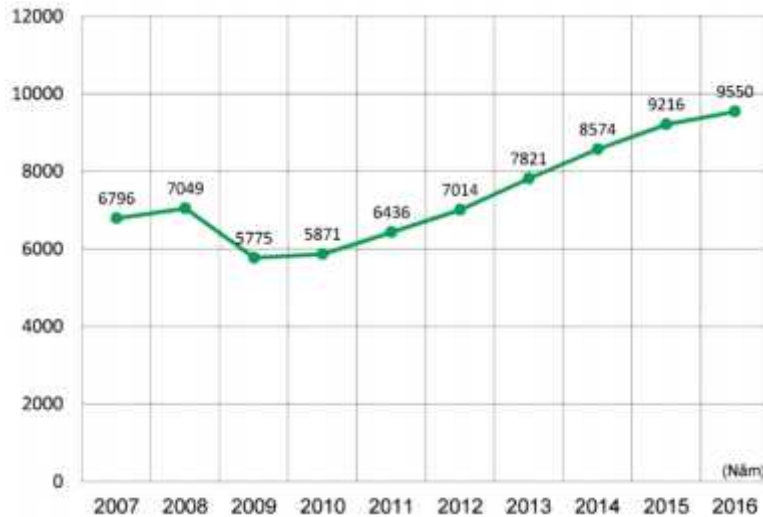
3.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2007 - 2016

phân tích thực trạng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam giai đoạn 2007-2016, luận án sẽ đề cập các chỉ tiêu xây dựng chương 2.

3.1.1. Thực trạng mở rộng quy mô và độ bao quát của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia

3.1.1.1. Thực trạng mở rộng quy mô của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia

Thực trạng mở rộng quy mô của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia được thể hiện qua việc thay thế số lượng tiêu chuẩn quốc gia hiện hành trong giai đoạn 2007-2016.



Biểu đồ 3.1: Số lượng tiêu chuẩn quốc gia hiện hành giai đoạn 2007-2016

Chi tiết hơn, thể trạng mức độ quy mô của hộ tiêu chuẩn quốc gia còn có thể hiện qua việc thay đổi số lượng tiêu chuẩn quốc gia (tăng/giảm) trong từng lĩnh vực của khung phân loại tiêu chuẩn quốc gia, trong giai đoạn 2007-2016.

3.1.1.2. Thể trạng mức độ bao quát của hộ tiêu chuẩn quốc gia

Bảng 3.2: Mức thay đổi nhóm, phân nhóm trong giai đoạn 2007-2016

Nội dung	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Mức tăng 2016/2007 (Lần)
Số nhóm	254	255	259	265	268	291	297	301	306	306	1,20
Số phân nhóm	374	376	431	448	473	491	525	558	575	578	1,54

Nguồn: Xếp loại tác giả theo Danh mục TCVN từ năm 2008 đến năm 2017

Nếu xét về số lượng tăng thêm, số nhóm đã tăng từ 254 nhóm năm 2007 lên 306 nhóm năm 2016 (tăng gấp 1,20 lần), số phân nhóm tăng từ 374 phân nhóm năm 2007 lên 578 phân nhóm năm 2016 (tăng gấp 1,54 lần). Điều này cho thấy hộ tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam đang dần mức độ bao quát, đáp ứng nhu cầu của các hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý xã hội của nền kinh tế Việt Nam.

3.1.2. Thể trạng phát triển cấu trúc của hộ tiêu chuẩn quốc gia theo hình thức kinh tế quốc tế

3.1.2.1. Thể trạng gia tăng tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực

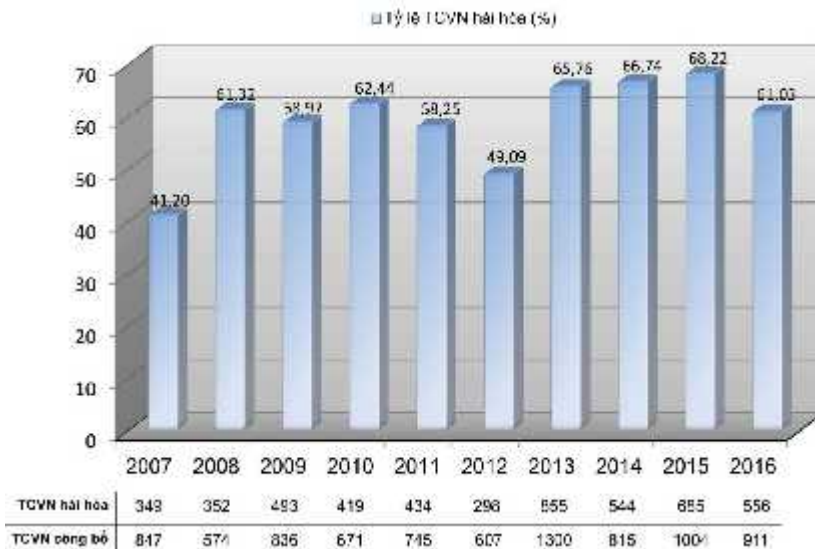


Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ (%) tiêu chuẩn quốc gia hài hòa trong tổng số tiêu chuẩn quốc gia hiện hành giai đoạn 2007-2016

Nguồn: X lý các tác giả theo Danh mục TCVN tính năm 2008 đến năm 2017

Trong giai đoạn năm 2007-2016, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam đã phát triển theo hướng tăng cường hài hòa tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, đặc biệt là phần trăm (%) hài hòa giữa tổng số tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tổng số tiêu chuẩn quốc gia hiện hành trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia tăng dần theo các năm, từ 29,03% trong năm 2007 lên 53,95% vào năm 2016. Đây cũng là một minh chứng trong quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế hiện nay.

Bên cạnh việc đánh giá tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia thì hình thức minh chứng các thành viên khía cạnh hài hòa, còn có thể đánh giá trên tỷ lệ hài hòa của các tiêu chuẩn quốc gia xây dựng trong từng năm.



Biểu đồ 3.5: Tỷ lệ (%) tiêu chuẩn quốc gia hài hòa theo số tiêu chuẩn quốc gia công bố hàng năm trong giai đoạn 2007 - 2016

Nguồn: X lý các tác giả từ báo cáo thống kê của Tổng cục Tiêu chuẩn Kỹ thuật Việt Nam 2007-2016

Trong giai đoạn 2007-2016, tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia hài hòa theo kế hoạch xây dựng trong từng năm khá cao, cao nhất là năm 2015 với tỷ lệ hài hòa là 68,22%, tiếp

n là n m 2014 v i t l hài hòa là 66,74%. Chi ti t h n, t l tiêu chu n qu c gia hài hoà v i tiêu chu n qu c t (ISO) chi m t l khá cao (77,45%) so v i các tiêu chu n qu c t khác (IEC, Codex) và tiêu chu n khu v c (EN).

3.1.2.2. Th c tr ng gia t ng t l tiêu chu n qu c gia c xây d ng ti m c n v i nghi p v xây d ng tiêu chu n qu c t

Ti m c n v i nghi p v xây d ng tiêu chu n qu c t chính là quy nh v ph ng pháp ch p nh n tiêu chu n qu c t , tiêu chu n khu v c thành tiêu chu n qu c gia. Vi t Nam hi n nay ch a áp d ng ph ng pháp ch p thu n và ph ng pháp in l i vì g p khó kh n v rào c n ngôn ng mà ch áp d ng ph ng pháp biên d ch và so n th o l i.

B ng 3.6: T l (%) tiêu chu n qu c gia c xây d ng ti m c n v i ph ng pháp ch p nh n qu c t giai o n 2007 – 2016

N m	S TCVN c công b	Ph ng pháp ch p thu n	Ph ng pháp xu t b n l i			
			In l i	Biên d ch		So n th o l i
				Hoàn toàn t ng %	T ng có s a i %	
2007	847	–	–	41,2 (349/847)	3,4 (29/847)	55,4 (469/847)
2008	574	–	–	61,3 (352/574)	3,0 (17/574)	35,7 (205/574)
2009	836	–	–	59 (493/836)	3,5 (29/836)	37,5 (314/836)
2010	671	–	–	62,4 (419/671)	3,3 (22/671)	34,3 (230/671)
2011	745	–	–	58,2 (434/745)	1,9 (14/745)	39,9 (297/745)
2012	607	–	–	48,8 (298/607)	4,9 (30/607)	46,3 (279/607)
2013	1300	–	–	65,8 (855/1300)	2,4 (32/1300)	31,8 (413/1300)
2014	815	–	–	66,7 (544/815)	0,4 (3/815)	32,9 (268/815)
2015	1004	–	–	68,2 (685/1004)	0,8 (8/1004)	31,0 (311/1004)
2016	911	–	–	60,6 (552/911)	0,7 (6/911)	38,7 (353/911)
T ng	8310	–	–	59,9 (4981/8310)	2,3 (190/8310)	37,8 (3139/8310)

Ngu n: X lý c a tác gi t báo cáo t ng k t c a T ng c c TC LCL t 2007-2016

Ph ng pháp biên d ch ang d n chỉ m u th , v i t l tiêu chu n qu c gia hài hòa v i tiêu chu n qu c t , tiêu chu n khu v c chỉ m 62% (hoàn toàn t ng ng và t ng ng có s a i), trong khi ph ng pháp so n th o l i (không t ng ng) ch chỉ m 38%. ây c ng là m c tiêu úng h ng trong b i c nh h i nh p kinh t qu c t , khi yêu c u hài hòa tiêu chu n ang là m t trong nh ng ch c qu c t quan tâm.

Vi t Nam ã áp d ng ph ng pháp ch p nh n tiêu chu n qu c t , tiêu chu n khu v c thành tiêu chu n qu c gia theo m c hoàn toàn t ng ng u tiên h n h n so v i m c t ng ng có s a i và không t ng ng. T l tiêu chu n qu c gia hoàn toàn t ng ng t ng d n theo các n m. C th , n u nh trong n m 2007, t l tiêu chu n qu c gia không t ng ng là 69,53% (4725 TCVN) so v i hoàn toàn t ng ng là 29,03% (1973 TCVN) thì n h t n m 2016, s l i u này ã thay i, t l tiêu chu n qu c gia không t ng ng là 44,54% (4254 TCVN) so v i hoàn toàn t ng ng là 53,96% (5153 TCVN). Đi u này cho th y ho t ng hài hòa tiêu chu n qu c gia c a Vi t Nam phát tri n t ng d n và theo xu h ng ch p nh n hoàn toàn t ng ng v i tiêu chu n qu c t , tiêu chu n khu v c.

3.1.2.3. Th c tr ng gia t ng t l tiêu chu n qu c gia c soát xét thay th và h y b phù h p v i các giai o n h i nh p

Tiêu chu n qu c gia qua m t th i gian áp d ng c n c soát xét l i m b o c p nh t trình khoa h c k thu t m i, áp ng các yêu c u trong t ng giai o n.



Bi u 3.7: T l (%) tiêu chu n qu c gia soát xét giai o n 2007 – 2016

Ngu n: X lý c a tác gi t báo cáo t ng k t c a T ng c c TC LCL t 2007-2016

Bi u 3.8 cho th y s l ng tiêu chu n qu c gia c soát xét không c nh mà thay i tùy theo yêu c u c a t ng n m ho c theo t ng giai o n. C th , trong giai o n 2007- 2015 chia ra thành hai phân o n rõ r t, phân o n t n m 2007-2010, t l tiêu chu n qu c gia c soát xét chỉ m t tr ng khá l n, trong

khi có phân số n 2011-2015, tất cả tiêu chuẩn quốc gia được soát xét chỉ mức trung bình không cao trong tất cả các tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng.

3.1.3. Thành tựu gia tăng đóng góp của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia vào phát triển kinh tế - xã hội cá nhân (qua nghiên cứu thực tiễn ở doanh nghiệp)

Hiện nay, Việt Nam đang khai thác nghiên cứu thực tiễn về việc gia tăng đóng góp của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia vào phát triển kinh tế - xã hội cá nhân mà mới đây là các nghiên cứu về lý thuyết về lý do nguồn lực (con người, tài chính...), thị trường, bí mật kinh doanh...

Lưu ý rằng đây là kết quả nghiên cứu của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (2010-2011) “Nghiên cứu đánh giá hiệu quả kinh tế của hoạt động tiêu chuẩn hóa ở các doanh nghiệp, ngành kinh tế, nền kinh tế” trên cơ sở phương pháp luận và các tiêu chí đánh giá xác định của ISO đánh giá lợi ích kinh tế của các tiêu chuẩn thu nhập - Phương pháp luận ISO (2010). Công ty Cổ phần Khí cụ Việt Nam (Vinakip) là điển hình trên cơ sở này là công ty tiên phong trong áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất sản phẩm của Vinakip, có hai sản phẩm là điển hình đánh giá, một là sản phẩm trụ thép - nhôm, và một là sản phẩm mâm có tim nhôm phát triển - dây cáp nhôm.

Tác động của tiêu chuẩn đã được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu liên quan đến chi phí logistics đầu vào, chi phí sản xuất, chi phí nghiên cứu và phát triển và chi phí bán hàng và marketing. Tác động kinh tế được tính theo giá trị năm 2010 theo tác động trung bình hàng năm. Tác động kinh tế được xác định là 7.490.497.019 VND.

Trong năm 2010, doanh thu bán sản phẩm xấp xỉ 35 triệu đồng, tổng bán dây và cáp nhôm là khoảng 37 triệu đồng. Tổng doanh thu của hai loại sản phẩm này là 72 triệu đồng.

Chi phí sản xuất sản phẩm là khoảng 15,3 triệu đồng, sản xuất dây và cáp là khoảng 21,5 triệu đồng. Tổng chi phí sản xuất hai loại sản phẩm này là 36,8 triệu đồng.

Thu nhập trước thuế và lợi tức (EBIT) của hai loại sản phẩm này là: 35,2 triệu đồng.

Tỷ lệ phần trăm tác động kinh tế của việc sử dụng tiêu chuẩn theo EBIT của công ty được tính cho hai sản phẩm là **21,3 %**, với cách tính như sau:

$$(7.490.479.019 \text{ VND} / 35.200.000.000 \text{ VND}) \times 100 = \mathbf{21,3 \%}$$

Tỷ lệ phần trăm tác động kinh tế của việc sử dụng tiêu chuẩn theo doanh thu bán hàng hai sản phẩm của công ty là **10,4 %** với cách tính như sau:

$$(7.490.479.019 \text{ VND} / 72.000.000.000 \text{ VND}) \times 100 = \mathbf{10,4 \%}$$

Đây là tất cả đóng góp của tiêu chuẩn vào thu nhập từ hai sản phẩm này của công ty trong phạm vi các hoạt động chính là Logistic đầu vào, Sản xuất, Marketing và Bán hàng và Nghiên cứu và Phát triển.

Nếu tính tỷ lệ phần trăm tác động theo tổng doanh thu của VINAKIP năm 2010 thì tỷ lệ này là $(7,49 \text{ t VND} / 196 \text{ t VND}) \times 100 = \mathbf{3,8 \%}$

3.2. ÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NHỮNG TIÊU CHUẨN QUY CÁCH VI TÊN GIAI ĐOẠN 2007-2016

3.2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, quy mô và mức độ bao quát của hệ thống tiêu chuẩn quy cách ngày càng mở rộng: Hệ thống tiêu chuẩn quy cách đã phát triển theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực xét về quy mô và mức độ bao quát, mở rộng ít nhất không chỉ sản phẩm, hàng hóa mà là quá trình, môi trường, các hoạt động trong hoạt động kinh tế - xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cá nhân. Các tiêu chuẩn quy cách đã trở thành những tài liệu kỹ thuật làm cơ sở cho việc mở rộng, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ Việt Nam.

Thứ hai, tỷ lệ tiêu chuẩn quy cách hài hòa các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực ngày càng gia tăng: Tỷ lệ tiêu chuẩn quy cách chấp nhận các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực ngày càng nhiều hơn, chỉ số tăng ngày càng cao trong tổng số tiêu chuẩn quy cách hiện hành.

Thứ ba, tỷ lệ tiêu chuẩn quy cách xây dựng tiêu chuẩn và thực hiện xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực ngày càng tăng: Tỷ lệ xây dựng tiêu chuẩn quy cách theo phương pháp biên dịch chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đang là phương pháp chính của chúng ta. Cụ thể trong giai đoạn 2007-2016, tỷ lệ tiêu chuẩn quy cách hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực chỉ chiếm 62% (hoàn toàn tiếng Việt và tiếng Việt có sẵn), trong khi phương pháp so sánh (không tiếng Việt) chỉ chiếm 38%. Đây cũng là một thuận lợi trong bối cảnh hình ảnh kinh tế quốc tế, khi yêu cầu hài hòa tiêu chuẩn đang là một trong những mục tiêu quan tâm.

Thứ tư, tỷ lệ tiêu chuẩn quy cách được soát xét thay thế phù hợp với các giai đoạn: Từ năm 2007-2010, việc xây dựng tiêu chuẩn quy cách được thực hiện theo án trình khai thác hiện hành hàng rào kỹ thuật trong thương mại với mục tiêu chính là xây dựng và soát xét hệ thống tiêu chuẩn quy cách, kết quả là tỷ lệ tiêu chuẩn quy cách được soát xét chỉ số tăng khá lớn (lần lượt là 68,1%-62,5%-47,3%-32,7%). Từ năm 2011-2016, việc xây dựng tiêu chuẩn quy cách được thực hiện theo Chương trình quy cách “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam năm 2020”, với mục tiêu chính là xây dựng mới các tiêu chuẩn quy cách (4.000 TCVN cho giai đoạn 2011-2015 và 2000 TCVN cho giai đoạn 2016-2020), chính vì vậy tỷ lệ tiêu chuẩn quy cách được soát xét chỉ số tăng không cao (lần lượt là 14,6%-10,2%-8,5%-7,1%-6,8%-3,4%).

Thứ năm, hiệu quả kinh tế của việc áp dụng tiêu chuẩn mới vào doanh nghiệp: Mặc dù chỉ là một nghiên cứu góc nhìn, theo kết quả tính toán của nhóm nghiên cứu của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam cho thấy tác động khi áp dụng tiêu chuẩn mới trong khoảng từ 6% đến 14% doanh thu bán hàng hàng năm của công ty, khoảng từ 100 đến 160 triệu đồng/năm.

3.2.2. Nh ng h n ch và nguyên nhân

3.2.2.1. H n ch

Th nh t, m c bao quát c a h th ng tiêu chu n qu c gia ch a bao ph c các l nh v c c n xây d ng: H th ng tiêu chu n qu c gia ã c phát tri n theo h ng a ngành, a l nh v c xét v m c bao quát, tuy nhiên v n ch a bao ph h t các l nh v c c n xây d ng c ng nh ch a áp ng c nhu c u c a th tr ng hay nói cách khác là nhu c u c a các bên liên quan.

Th hai, t l tiêu chu n qu c gia hài hòa t ng nh ng hi u qu ch a cao: Vi t Nam hi n nay ang chú tr ng nhi u vào vi c t ng c ng hài hòa tiêu chu n v m t s l ng mà ch a có m t nh h ng hài hòa tiêu chu n h p lý h n ch nh ng tác ng tiêu c c do vi c hài hòa tiêu chu n gây ra.

Th ba, t l tiêu chu n qu c gia xây d ng theo ph ng pháp không t ng ng v n còn cao: S l ng tiêu chu n qu c gia xây d ng theo ph ng pháp không t ng t ng còn chi m t tr ng khá cao trong h th ng tiêu chu n qu c gia, i u này r t đ t o thành rào c n k thu t trong th ng m i.

Th t , h th ng tiêu chu n qu c gia ch a c rà soát theo quy nh: Vi c rà soát h th ng tiêu chu n qu c gia c ng ch a tuân th theo úng quy nh, vì v y h th ng tiêu chu n qu c gia c a Vi t Nam v n còn t n t i khá nhi u lo i tiêu chu n hi n nay không còn c quy nh trong lu t, c ng nh các tiêu chu n c n rà soát v tình tr ng k thu t.

Th n m, ch a có s li u công b chính th c v hi u qu kinh t c a vi c áp d ng tiêu chu n i v i n n kinh t : K t th p niên 80 n nay Vi t Nam v n ch a có m t nghiên c u nào i sâu vào ánh giá hi u qu kinh t c a tiêu chu n. K t qu tài nghiên c u c a Vi n Tiêu chu n Ch t l ng Vi t Nam n m 2010-2011 m i ch đ ng l i m t s doanh nghi p ho t ng trong cùng m t l nh v c, m t lo i hình (dây và cáp i n), còn v i c p r ng h n là ph m vi m t ngành và toàn b n n kinh t , m i ch có xu t v ph ng pháp, tiêu chí ánh giá hi u qu kinh t c a tiêu chu n t c là đ ng l i m c lý thuy t.

3.2.2.2. Nguyên nhân

Th nh t, thi u Chi n l c phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia: cho n th i i m hi n t i, Vi t Nam ch a xây d ng c Chi n l c phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia. Chi n l c s là nh h ng quan tr ng cho phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia m t cách có hi u qu nh t, c s quan tr ng h th ng tiêu chu n qu c gia áp ng yêu c u h i nh p và các cam k t c a Vi t Nam khi th c thi Hi p nh hàng rào k thu t trong th ng m i (WTO/TBT) và các Hi p nh th ng m i t do (FTA) th h m i.

Th hai, c ch chính sách v phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia c a Vi t Nam còn b t c p: S quan tâm c a các B qu n lý chuyên ngành còn h n ch ,

thể hiện qua việc thi u các v n b n lu t và h ãng d n thi hành lu t v ãi c ãnh h ãng xây d ãng TCVN liên quan và c ãch chính sách ãi v ãi áp d ãng TCVN. Các lu t chuyên ngành và v n b n d ãi lu t ch ãy u nêu chung chung là ãy m ãnh xây d ãng tiêu chu n và quy chu n k ã thu t cho các ãi t ãng mà v n b n lu t c p, ãnh ãng không nêu ãc ãnh h ãng và c ãch chính sách v ã tiêu chu n hóa liên quan ãn chuyên ngành ó.

Th ã ba, ngu n l ãc tài chính cho xây d ãng tiêu chu n qu ã gia còn h ãn ch ã và phân tán: Kinh phí h ãng n m cho việc xây d ãng tiêu chu n qu ã gia ch ãy u ãc c p t ãngân sách nhà n ãc. Kinh phí h ã tr ã phía các t ãch c, cá ãnh ãn trong và ngoài n ãc r ãt khiêm t ãn. Chính vì v ãy nên việc xây d ãng tiêu chu n m ãi ch theo hình th ãc “chạy” ãng ã là ãngiên c ãu tài li ãu, chuy ãn d ãch tiêu chu n qu ã t ã, tiêu chu n khu v ãc thành tiêu chu n qu ã gia mà ch ã có kh ão ãng ãm, th ã ãng ãm... d ãn ã áp d ãng m ãc ã hài hoà “hoàn toàn t ãng ãng” quá máy m óc khi ch p ãnh ãn tiêu chu n qu ã t ã, tiêu chu n khu v ãc.

Th ã t ã, ngu n ãnh ãn l ãc ph ãc v ã cho việc xây d ãng tiêu chu n qu ã gia còn thi u và y u: V ãi ãc thù ãc ã ngành là các chuyên gia ch ãy u là ãiêm ãhi m, s ã l ãng ãng ãi tham gia toàn th ãi gian cho ho t ãng tiêu chu n hóa r ãt h ãn ch ã (62 ãng ãi) nên ch ã t l ãng ãnh ãn s ã dành cho ho t ãng TCH còn ãhi u h ãn ch ã. M ã t lý do khác ã là ãnh ãn l ãc xây d ãng tiêu chu n ch ã ãp ãng ãy c ãu v ã ãng ãp v ã TCH do ch ã ã ào t ão th ãng xuy ãn cho các T ãch c xây d ãng tiêu chu n qu ã gia; Ch ã có c ã s ã ào t ão chuyên ngành/chính quy v ã TCH b ã t ãu t ã b c ãi h ãc và th ã m chí là ph ã thông cho các sinh viên.

Th ã n m, s ã huy ãng các bên liên quan trong quá trình xây d ãng tiêu chu n qu ã gia còn h ãn ch ã : S ã tham gia ãc ã các bên liên quan vào quá trình xây d ãng TCVN (Bottom-Up) r ãt th ã ãng, h ãn ch ã, ch ã thu hút ãc s ã tham gia r ãng ãĩ ãc ã các bên có liên quan (ãc b ãi t ã là ãng ãnh ãp) trong xây d ãng tiêu chu n qu ã gia. ãi u này d ãn ãn h ãn ch ã là H ã th ãng tiêu chu n qu ã gia ch ã ãp ãng ãc ãy c ãu ãi c xây d ãng các tiêu chu n ph ãi d ã trên ãhu c ãu th ã tr ãng v ãi s ã tham gia t ãng ãy ã và r ãng ãĩ ãc ã các bên có l ãi ích liên quan, c ã th ã là ch ã ph ã ãnh ãc ã ãhu c ãu c ãn xây d ãng tiêu chu n nên ph ãn ãào ãnh h ã ãng ã quy m ã và bao quát ãc ã h ã th ãng tiêu chu n qu ã gia.

Th ã sáu, s ã k ã t ã ãi gi ã tiêu chu n c ã s ã và tiêu chu n qu ã gia còn h ãn ch ã : V ãi vai trò là t ã ã k ã thu t cho tiêu chu n qu ã gia, tuy ãi ãn ãi t ã Nam, ho t ã ãng tiêu chu n hóa ãc ã ãng ãnh ãp còn ch ã ãc chú tr ãng ãng ãm ãhi u d ãn ã các tiêu chu n c ã s ã c xây d ãng có ch ã t l ãng ch ã ão, ch ã mang t ãnh ãng b ã và ch ã ã th ã c s ã là m ã công c ã qu ã lý h ã ãhi u cho ãng ãnh ãp.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIỚI PHÁP PHÁT TRIỂN
HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
 NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN NĂM 2035

4.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN NĂM 2035

Có những xu hướng khoa học và công nghệ và mục tiêu phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam năm 2025 và tầm nhìn năm 2035, luận án đã phân tích những hình ảnh kinh tế quốc tế sâu rộng của Việt Nam và yêu cầu mới.

4.1.1. Những hình ảnh kinh tế quốc tế sâu rộng của Việt Nam và yêu cầu mới trong việc phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia

4.1.1.1. Những hình ảnh kinh tế quốc tế sâu rộng của Việt Nam

Năm 2015 và năm 2016, với những nỗ lực đáng kể trong đàm phán, Việt Nam đã ký kết 04 Hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng: Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) ký kết ngày 5/5/2015; Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu (VN-EAEU FTA) ký kết ngày 29/5/2015; Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) ký kết ngày 02/12/2015; và Hiệp định tác dụng Thái Bình Dương (TPP) ký kết ngày 4/2/2016.

Nếu tính đến năm 2016, Việt Nam đã ký kết, tham gia và đang đàm phán 16 FTA. Trong số này, có 10 FTA đã tham gia (sáu FTA trong số này với các nước thành viên ASEAN, bốn FTA còn lại với Chile, Nhật Bản, Hàn Quốc, và EEC). Hai FTA đã kết thúc đàm phán là TPP và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA). Bốn FTA đang đàm phán là Hiệp định tác dụng kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), FTA ASEAN - Hong Kong, FTA với Israel và với Khối thị trường tự do châu Âu (EFTA).

Theo lộ trình cam kết, phần lớn các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia đều bước sang giai đoạn cắt giảm sâu, xóa bỏ hàng rào thuế quan và với phần lớn các dòng thuế trong biên thuế nhập khẩu.

4.1.1.2. Những yêu cầu mới trong việc phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam

Các hiệp định FTA tham gia có những tiêu chuẩn cao và nội dung chi tiết về các quy định trong các thỏa thuận do thương mại tự do. Trong giai đoạn tiếp theo, Việt Nam tiếp tục tham gia ngày càng nhiều vào các quá trình hợp tác kinh tế khu vực và thế giới, áp dụng, chấp nhận, và lãnh đạo, trong đó thương mại là một trọng tâm. Điều này đòi hỏi phải thêm xung lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong thu hút đầu tư và thúc đẩy xuất khẩu.

Việt Nam và các nền kinh tế trên thế giới. Mặt khác, công nghệ hiện đại Việt Nam phải vượt qua quá trình tái cấu trúc, cải tiến mô hình tăng trưởng, cải thiện vị thế phân phối tài nguyên quốc gia, tăng năng suất các yếu tố tăng hợp (TFP) và cải thiện năng lực cạnh tranh, tính linh hoạt của nền kinh tế ...

4.1.2. Phấn đấu và mục tiêu phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035

4.1.2.1. Phấn đấu

Tăng trưởng bền vững cùng hình thành quốc gia, vị thế phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam có những yêu cầu cụ thể đáp ứng sự phát triển bền vững: kinh tế, môi trường và xã hội, cụ thể: (i) Mở rộng bao quát của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, nhằm đáp ứng tất cả những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh hình thành kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; (ii) Hải hòa tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và các mô hình tính hợp lý, có chất lượng và hiệu quả tác động tiêu cực do vị thế bảo hòa tiêu chuẩn gây ra, và đảm bảo tính tiên tiến của khoa học - công nghệ. Nghiên cứu giám sát và tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia xây dựng theo phương pháp không tương đồng; (iii) Tăng cường sự tham gia vào hoạt động của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu song song với vị thế phát triển các mối quan hệ song phương với các tổ chức tiêu chuẩn của các nước ngoài khác; (iv) rà soát hệ thống tiêu chuẩn quốc gia theo đúng quy định của pháp luật tiên tiến của khoa học và công nghệ, đáp ứng các yêu cầu FTA thế giới; (v) vận dụng, cải tiến cách thức, biện pháp thông tin, truyền thông và hoạt động tiêu chuẩn hóa. Vận hành công nghệ thông tin doanh nghiệp, trang tin thông tin, các báo và cổng thông tin sản phẩm, hàng hóa.

4.1.2.2. Mục tiêu

Đáp ứng những yêu cầu cụ thể đặt ra trong bối cảnh hình thành sâu vào nền kinh tế quốc tế, cần phải phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia theo các mục tiêu sau: (i) Xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia có nội hàm khoa học cao; (ii) Xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia có trọng tâm và trọng tâm đáp ứng với các thị trường cao và bền vững, các mô hình tiêu chuẩn quốc gia có thể phát huy hiệu quả cao nhất khi đưa vào áp dụng; (iii) Triển khai quy hoạch, lập kế hoạch và tổ chức xây dựng một số nhóm tiêu chuẩn chủ lực phục vụ phát triển kinh tế và cải tiến mô hình tăng trưởng; (iv) Huy động sự tham gia của toàn xã hội trong vị thế phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; (v) Đào tạo nguồn nhân lực và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; (vi) Phát triển hệ thống thông tin pháp luật và các thông tin khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa.

4.2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN NĂM 2035

4.2.1. Nhóm giải pháp về xây dựng chiến lược phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia

4.2.1.1. Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam năm 2035

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế, chiến lược phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phải được xây dựng trên cơ sở phục vụ cho các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia theo các định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam năm 2035, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế kỹ thuật theo các chiến lược, quy hoạch phát triển của Chính phủ phê duyệt. Chính vì vậy, mục tiêu chiến lược cho hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam là: *Hỗ trợ các lực lượng phát triển kinh tế - xã hội đạt các mục tiêu trở thành nền công nghiệp hoá và Tầm nhìn 2035* và vị trí hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam là: *Xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng cao bằng cách mở rộng Thu hút sự tham gia của các bên liên quan và các tác nhân cách hiệu quả*. Nội dung và chức năng trong *Phát triển công nghiệp và thương mại, Sản xuất công nghiệp hiệu quả và tập trung vào Trao đổi thông tin* giúp chúng ta đặt các mục tiêu cụ thể cùng là *Các tiêu chuẩn cơ sở đang minh*.

4.2.1.2. Nâng cao sự tin cậy của các tiêu chuẩn quốc gia và các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực một cách thích hợp thông qua hài hòa tiêu chuẩn.

Một là, mở rộng sự hợp tác với các tổ chức/giới thiệu hệ thống TCVN và các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC, Codex) và các hệ thống tiêu chuẩn của các tổ chức hoạt động tiêu chuẩn hóa khu vực mà Việt Nam là thành viên hài hòa.

Hai là, soát xét thay thế các tiêu chuẩn quốc gia hiện hành hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

Ba là, xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia mới hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

4.2.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia

4.2.2.1. Hoàn thiện, cải thiện các chính sách quản lý nhà nước và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về tiêu chuẩn hóa

Một là, Thiệt lập một cơ chế phản ánh của các ý kiến của các ngành công nghiệp, người tiêu dùng và các bên liên quan trong hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

Hai là, Chuyển giao dần dần nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn cho các bộ phận khác của xã hội.

Ba là, Tăng cường tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

B n là, T ng c ng thanh tra, ki m tra i v i t ch c, cá nhân s n xu t, nh p kh u, kinh doanh vi ph m v tiêu chu n, o l ng, ch t l ng s n ph m, hàng hóa, quy n s h u công nghi p, ghi nhãn hàng hóa.

N m là, y m nh các ch ng trình h tr doanh nghi p nâng cao n ng su t ch t l ng.

Sáu là, H ng d n th c hi n vi c ch ng nh n và công b h p chu n, h p quy s n ph m, hàng hóa cho các c s , doanh nghi p.

4.2.2.2. Nghiên cứu sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (2006)

Nghiên c u s a i Lu t Tiêu chu n và Quy chu n k thu t vì trong th c ti n áp d ng m t s n i dung không còn phù h p v i tình hình th c t phân công trách nhi m qu n lý nhà n c các b ngành, c ng nh ho t ng s n xu t kinh doanh. Bên c nh ó, trong ti n trình h i nh p kinh t qu c t , các cam k t qu c t và khu v c nh Hi p nh i tác toàn di n và ti n b xuyên Thái Bình D ng (CPTPP), Hi p nh th ng m i t do Vi t Nam - EU (EVFTA), Hi p nh th ng m i t do Vi t Nam - Liên minh Kinh t Á Âu (EAEU)... v lo i b rào c n k thu t a ra các cam k t, yêu c u cao h n các th a thu n tr c ây v m b o tính minh b ch, thông thoáng c a h th ng tiêu chu n, quy chu n k thu t, òi h i các thành viên ph i quy nh nh ng c ch pháp lý, bi n pháp c th h n các bên có quy n tham gia sâu vào quá trình k ho ch, xây d ng, ban hành tiêu chu n, quy chu n k thu t nh m thúc y th ng m i t do.

4.2.3. Nhóm gi i pháp v i m i c ch c p kinh phí, a d ng hóa ngu n l c tài chính cho xây d ng tiêu chu n qu c gia

C ch c p kinh phí t ngân sách nhà n c c n c c i ti n và i m i trên c s xem xét m t cách y các n i dung công vi c c n thi t, ngh a là không ch bao g m chuy n d ch, t ch c các cu c h p c a Ban/Ti u ban k thu t, l y ý ki n chuyên gia, ... mà còn có các n i dung khác m b o tính kh thi c a tiêu chu n qu c gia c xây d ng và m b o cho tiêu chu n qu c gia c áp d ng có hi u qu nh : kh o sát, kh o nghi m, th nghi m, ph bi n áp d ng, ánh giá hi u qu áp d ng và soát xét.

Vi c huy ng kinh phí t các ngu n khác c ng r t c n thi t, ví d : huy ng t Qu phát tri n khoa h c và công ngh qu c gia; óng góp c a các t ch c, doanh nghi p s áp d ng tiêu chu n hài hòa n u c xây d ng; s h tr tài chính t các d án h p tác qu c t và n c ngoài, v.v... Bên c nh ó, có th t o ngu n kinh phí h tr b ng cách cung c p các d ch v giáo d c- ào t o, xu t b n-phát hành, ch ng nh n và các d ch v khác mà th tr ng òi h i.

4.2.4. Nhóm gi i pháp v nâng cao ch t l ng ngu n nhân l c cho xây d ng tiêu chu n qu c gia

Th ng xuyên t ch c ào t o, t p hu n b i d ng nghi p v tiêu chu n hoá, các k n ng tin h c x lý tài li u trong quá trình xây d ng tiêu chu n cho các

thành viên của Tổ chức biên soạn tiêu chuẩn quốc gia, các chuyên gia tham gia vào các hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế/khu vực. Các tiêu chuẩn hóa trở thành bộ môn giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề như nhiệm vụ của mình.

4.2.5. Nhóm giải pháp mở rộng sự phối hợp giữa các bên liên quan trong xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

4.2.5.1. Xã hội hóa hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam.

Việc xã hội hóa hoạt động tiêu chuẩn hóa Việt Nam nên được hình thành vào những nội dung sau đây: (i) Mở rộng sự tham gia của các ngành công nghiệp và xã hội vào hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc gia và quyết định cách bài bản và thích hợp; (ii) Tăng cường các hoạt động hỗ trợ giáo dục- đào tạo, thông tin-tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kiến thức, nhận thức và kỹ thuật, nghiệp vụ về tiêu chuẩn hóa.

4.2.5.2. Ủy mnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam, nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn hóa quốc gia, môi trường và lợi ích của việc trở thành phần trong công nghiệp xã hội.

Cần thực hiện một số giải pháp sau: (i) Nâng cao nhận thức của tất cả các bên liên quan về vai trò công nghệ tác động tích cực của các tiêu chuẩn và hài hòa tiêu chuẩn trong thị trường quốc tế; (ii) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về tiêu chuẩn và nội dung tiêu chuẩn, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về việc áp dụng và cách phân biệt nhau những tiêu chuẩn quốc gia để hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

4.2.6. Nhóm giải pháp tăng cường sự kết nối giữa tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia.

Tiêu chuẩn quốc gia là cấp tiêu chuẩn rất quan trọng, nó là tiền đề cho tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, chúng ta cần: (i) Tổ chức thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc gia cho doanh nghiệp; (ii) Thông tin, tuyên truyền về các quy định pháp lý liên quan đến tiêu chuẩn hóa cho các doanh nghiệp; (iii) Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, kiến thức, nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa quốc gia cho doanh nghiệp; (iv) Thiết lập hệ thống thông tin về tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, doanh nghiệp có thể tiếp cận nhanh chóng và sử dụng thông tin này phục vụ cho hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc gia; (v) Doanh nghiệp cần khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc gia, tích cực tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa các cấp.

K T L U N

V i t tài "Phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam trong h i nh p kinh t qu c t ", tác gi ã b c u nghiên c u, làm rõ m t s v n lý lu n và th c ti n v phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia. D i ây là m t s k t qu nghiên c u c b n c a lu n án:

1. Lu n án ã a ra khái ni m h th ng tiêu chu n qu c gia, làm rõ n i dung c a khái ni m phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia;

2. Xây d ng h th ng ch tiêu ánh giá phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia;

3. Ch ra các nhân t nh h ng n phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia;

4. Trên c s lý lu n ã c xây d ng, n i dung lu n án ã t p trung phân tích và ánh giá th c tr ng phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam giai o n 2007 - 2016 trên ba m t là: (i) Th c tr ng m r ng quy mô và bao quát c a h th ng tiêu chu n qu c gia; (ii) Th c tr ng phát tri n c u trúc c a h th ng tiêu chu n qu c gia theo h ng h i nh p kinh t qu c t ; (iii) Th c tr ng gia t ng óng góp c a vi c áp d ng tiêu chu n vào phát tri n kinh t - xã h i c a t n c theo các ch tiêu ã c xây d ng Ch ng 2.

5. Lu n án ch ra k t qu , h n ch c a phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia giai o n 2007-2016, nguyên nhân c a h n ch .

6. Lu n án a ra b i c nh h i nh p kinh t qu c t sâu r ng c a Vi t Nam và yêu c u m i t ra i v i vi c phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia; ch ra ph ng h ng và m c tiêu phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia n n m 2025 và t m nhìn n n m 2035. ng th i, xu t 6 nhóm gi i pháp nh m phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia Vi t Nam n n m 2025 và t m nhìn n n m 2035, ó là: (i) Nhóm gi i pháp v xây d ng chi n l c phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia; (ii) Nhóm gi i pháp v hoàn thi n th ch , chính sách nh m phát tri n h th ng tiêu chu n qu c gia; (iii) Nhóm gi i pháp v ngu n l c tài chính và u t c s v t ch t k thu t cho xây d ng tiêu chu n qu c gia; (iv) Nhóm gi i pháp v nâng cao ch t l ng ngu n nhân l c cho xây d ng tiêu chu n qu c gia; (v) Nhóm gi i pháp v m r ng s ph i k t h p gi a các bên liên quan trong xây d ng tiêu chu n qu c gia; (vi) Nhóm gi i pháp v t ng c ng s k t n i gi a tiêu chu n c s và tiêu chu n qu c gia. ây là nh ng gi i pháp c b n, là m t th th ng nh t, có quan h ch t ch v i nhau không th tách r i, tuy t i hóa hay xem nh m t gi i pháp nào./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
LIÊN QUAN N TÀI LUẬN ÁN ẪN CÔNG B**

1. Phạm Thị Phương Thảo, Ngô Thị Ngọc Hà (2014), “Nâng cao năng lực hoạt động của Việt Nam trong khuôn khổ ISO”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (5+6), tr. 8-9.
2. Ngô Thị Ngọc Hà (2014), “Ý nghĩa hoạt động phôi n tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (5+6), tr. 10-11.
3. Ngô Thị Ngọc Hà, Nguyễn Thị Diễm Hương (2014), “Quy trình xây dựng tiêu chuẩn ISO quốc tế”, *Tạp chí PVOIL NEWS*, (16), tr.32-33.
4. Ngô Thị Ngọc Hà (2014), “Nông sản và thực phẩm Việt Nam tiến sát tiêu chuẩn Codex”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (7+8), tr.15-16.
5. Ngô Thị Ngọc Hà (2016), “Tiêu chuẩn cơ sở - Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (13+14), tr. 11-12.
6. Ngô Thị Ngọc Hà (2016), “Chuyển đổi tiêu chuẩn quốc tế thành tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (21+22), tr. 24-26.
7. Ngô Thị Ngọc Hà (2016), “Hàng rào kỹ thuật trong thương mại - Kiểm tra và giám sát kinh tế hiện đại”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (23+24), tr. 19-20.
8. Ngô Thị Ngọc Hà (2017), “Chuyển đổi tiêu chuẩn trong quản lý chất lượng chi tiết”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (7+8), tr. 17-18.
9. Ngô Thị Ngọc Hà (2017), “Rà soát tiêu chuẩn và thực phẩm hữu cơ”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (9+10), tr. 17-18.
10. Ngô Thị Ngọc Hà (2017), “Tiêu chuẩn quốc tế tập “ngôn ngữ chung” trong thương mại quốc tế”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (11+12), tr. 28-29.
11. Ngô Thị Ngọc Hà (2017), “Sắp công bố tiêu chuẩn TCVN về Nông nghiệp hữu cơ”, *Tạp chí Tiêu chuẩn & Kiểm tra Chất lượng*, (21+22), tr. 22-23.